

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2021/HS-PT

Ngày 19 tháng 5 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các thẩm phán: Ông Hoàng Văn Hạnh;

Ông Nguyễn Xuân Hùng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Ngọc Vỹ - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 214/2021/TLPT-HS ngày 11 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Xuân K phạm tội “Giả mạo trong công tác”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Xuân K; Sinh năm 1957; nơi sinh, ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 11, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; học vấn: 10/10; nghề nghiệp: nguyên Phó Chủ tịch UBND xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; con ông: Nguyễn Văn N (đã chết); con bà: Nguyễn Thị C (đã chết); gia đình có 6 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1965; có 02 con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1987; Tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: Tại Bản án số 42/2015/HS-ST ngày 24/7/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định bị xử phạt 42 tháng tù về tội “Giả mạo trong công tác”. Bị cáo là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ở vụ án trước. Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

*** Bị cáo không kháng cáo tòa án không triệu tập:** Vũ Văn T; sinh năm 1963, nơi sinh, ĐHKHTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 4, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2007, ông Phạm Văn D, sinh ngày 28 tháng 10 năm 1950 ở thôn 2, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định thắng đấu giá thửa đất số 128 thuộc tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính xã A lập năm 1995 chỉnh lý năm 2003 (sau đây gọi tắt là thửa đất số 128). Trước khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ), ngày 23/12/2007, ông D đã thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất số 128 cho ông Mai Văn T1, sinh năm 1968 ở thôn 8, xã A, huyện B và ông T1 chịu trách nhiệm sang tên. Sau khi có GCNQSDĐ của thửa số 128 mang tên ông Phạm Văn D, khoảng cuối tháng 2/2009, ông Ngô Văn H, sinh năm 1957 là cán bộ tài chính xã A đặt vấn đề mua thửa đất số 128 cho vợ chồng con rể là anh Phạm Quốc T2 và con gái là chị Ngô Thị T3 đang cư trú tại Hải Phòng và được ông T1 đồng ý. Hai bên đã thỏa thuận mua thửa đất số 128 với giá 85.000.000 đồng, khi nào sang tên chính chủ cho con rể thì mới giao, nhận tiền. Ông H đã cầm GCNQSDĐ sang phòng làm việc của Vũ Văn T là cán bộ địa chính xã A để nói với T về việc đã mua thửa đất số 128 cho con rể và nhờ T làm thủ tục sang tên đổi chủ cho anh T2 làm sao để tối ưu nhất, T nói với ông H là làm hồ sơ theo thủ tục tặng cho để anh T2 không phải nộp thuế chuyển nhượng. Ngày 23/2/2009, ông H mời T và Nguyễn Xuân K là Phó Chủ tịch UBND xã A và gọi vợ chồng ông T1, bà H1 mang GCNQSDĐ đến nhà ông H để làm thủ tục sang tên thửa đất số 128 cho con rể. Khi T đến có đi cùng ông Nguyễn Đăng B1 là cán bộ giúp việc cho T và mang theo hồ sơ biểu mẫu. Tại đây, T có nói với tất cả mọi người là làm thủ tục mua bán đất cho anh T2 theo hình thức Hợp đồng bố tặng cho con để giảm thuế thì K, ông H, và mọi người đều đồng ý. Sau đó T bảo ông H phải có giấy khai sinh để làm thủ tục tặng cho, ông H đã đi mua mẫu giấy khai sinh bản sao nhưng chưa ghi gì về đưa cho T. T bảo ông B1 viết Hợp đồng tặng cho với nội dung ông Phạm Văn D cho anh Phạm Văn T2 và làm giấy khai sinh bản sao mang tên Phạm Quốc T2 có cha là Phạm Văn D, mẹ là Vũ Thị T4, ngoài ra còn có Trích lục thửa đất; Đơn xin cấp GCNQSDĐ mang tên anh Phạm Quốc T2 ghi ngày 20/2/2009 với nội dung là nguồn gốc đất được tặng cho (Sau đây gọi tắt là các tài liệu trong hồ sơ tặng cho). Sau khi viết xong các tài liệu trong hồ sơ tặng cho

quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông H ký tên T2, T3 dưới mục bên được tặng cho và viết chữ D, T4 dưới mục bên tặng cho, T ký vào phần cán bộ địa chính trong Trích lục thửa đất; Đơn xin cấp GCNQSDĐ rồi đưa hồ sơ cho K, K đọc hồ sơ rồi ký vào phần đại diện UBND xã trong Hợp đồng tặng cho, Giấy khai sinh, Trích lục thửa đất, Đơn xin cấp GCNQSDĐ. Sau đó ông H cầm hồ sơ nhờ ông Nguyễn Thanh H2 là cán bộ Phòng TN&MT huyện B làm thủ tục sang tên cho con rể là anh Phạm Quốc T2. Trên cơ sở hồ sơ tặng cho do UBND xã A lập và gửi đến, ông Nguyễn Mạnh H3 là cán bộ thẩm tra; ông Hoàng Văn H4 là Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất; ông Phạm Văn P là Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B đã thẩm định và ký xác nhận vào đơn xin cấp GCNQSDĐ mang tên anh Phạm Quốc T2. Ngày 27/2/2009, UBND huyện B đã cấp GCNQSDĐ số A0 321552 mang tên Phạm Quốc T2 và Ngô Thị T3. Trong quá trình giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1957 ở xã E, huyện F, tỉnh Nam Định liên quan đến thửa đất số 128, UBND huyện B đã phát hiện hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho anh Phạm Quốc T2 không hợp lệ nên đã ra Quyết định thu hồi GCNQSDĐ số A0 321552. Tại bản Kết luận giám định số 1112/KLGD-PC09 ngày 12/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự xác định chữ ký đứng tên Vũ Văn T và Nguyễn Xuân K trên các tài liệu trong hồ sơ tặng cho là do T, K ký.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã áp dụng điểm b khoản 2 Điều 284; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân K 36 tháng tù về tội “Giả mạo trong công tác”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/01/2021, bị cáo Nguyễn Xuân K có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân K xin thay đổi nội dung kháng cáo từ xin hưởng án treo sang xin giảm hình phạt, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã quy kết và cho rằng mức hình phạt là quá cao, xin giảm hình phạt. Bị cáo phạm tội do nể nang, nhận thức còn hạn chế, phạm tội không vì mục đích hưởng lợi; bị cáo đã có thời gian tham gia quân đội, khi vi phạm hành vi này thì chưa có tiền án tiền sự, hiện nay tuổi cũng đã cao, sức khỏe yếu, hoàn cảnh gia đình hiện tại rất khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham dự phiên tòa sau khi đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, vị trí, vai trò, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thấy như sau: Trong vụ án này, bị cáo phạm tội do cả nể, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo T là người chủ động chuẩn bị các loại tài liệu, định hướng giải quyết, do đó bị cáo T có vai trò cao hơn bị cáo K, bản thân bị cáo không được hưởng lợi gì. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo xuất trình đơn xin giảm nhẹ hình phạt có xác nhận của UBND xã, đã nộp tiền án phí HSST, bị cáo có thời gian dài tham gia chiến đấu ở chiến trường Campuchia, được thưởng bằng khen, từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy như sau: Ông Ngô Văn H, là cán bộ tài chính xã A mua thửa đất số 128 cho vợ chồng con rể là anh Phạm Quốc T2 và con gái là chị Ngô Thị T3 đang cư trú tại Hải Phòng của ông Mai Văn T1 với giá 85.000.000 đồng. Sau đó, ông H đã cầm GCNQSDĐ sang phòng làm việc của Vũ Văn T là cán bộ địa chính xã A để nói với T về việc đã mua thửa đất số 128 cho con rể và nhờ T làm thủ tục sang tên đổi chủ cho anh T2 làm sao để tối ưu nhất. Ngày 23/02/2009, ông H mời bị cáo T và bị cáo K đến nhà, đồng thời gọi vợ chồng ông T1, bà H1 mang GCNQSDĐ đến để làm thủ tục sang tên thửa đất số 128 cho con rể. Về phía T có bảo ông Nguyễn Đăng B1 là cán bộ giúp việc mang theo hồ sơ biểu mẫu đến nhà ông H. Tại đây, T nói với tất cả mọi người là làm thủ tục mua bán đất cho anh T2 theo hình thức Hợp đồng bố tặng cho con để giảm thuế thì K, ông H và mọi người đều đồng ý. Sau đó chính T bảo ông H phải có giấy khai sinh để làm thủ tục tặng cho, ông H đã đi mua mẫu giấy khai sinh bản sao nhưng chưa ghi gì về đưa cho T. T bảo ông B1 viết Hợp đồng tặng cho với nội dung ông Phạm Văn D cho anh Phạm Văn T2 và làm giấy khai sinh bản sao mang tên Phạm Quốc T2 có cha là Phạm Văn D, mẹ là Vũ Thị T4, ngoài ra còn có Trích lục thửa đất; Đơn xin cấp GCNQSDĐ mang tên anh Phạm Quốc T2

ghi ngày 20/02/2009 với nội dung là nguồn gốc đất được tặng cho. Sau khi viết xong các tài liệu trong hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông H ký tên T2, T3 dưới mục bên được tặng cho và viết chữ D, T4 dưới mục bên tặng cho, T ký vào phần cán bộ địa chính trong Trích lục thửa đất; Đơn xin cấp GCNQSDĐ rồi đưa hồ sơ cho K, K đọc hồ sơ rồi ký vào phần đại diện UBND xã trong Hợp đồng tặng cho.

Với diễn biến như trên thì thấy xuất phát từ việc ông H nhờ T làm thủ tục sang tên đổi chủ cho anh T2 làm sao để tối ưu nhất và sau khi tiếp nhận thông tin trên thì T là người đưa ra phương án làm hồ sơ theo thủ tục tặng cho để anh T2 không phải nộp thuế chuyển nhượng. Khi đến, T có đưa ông Nguyễn Đăng B1 là cán bộ giúp việc cùng đi và mang theo hồ sơ biểu mẫu và chính T là người nói với tất cả mọi người là làm thủ tục mua bán đất cho anh T2 theo hình thức Hợp đồng bỏ tặng cho con để giảm thuế. Đến lúc này thì bị cáo K, ông H và mọi người mới biết phương án làm việc như trên nên đều đồng ý. Như vậy người đóng vai trò chính trong vụ án này là Vũ Văn T.

Như đã phân tích ở trên thì trong vụ án này vai trò của bị cáo thấp hơn bị cáo T, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo xuất trình đơn xin giảm nhẹ hình phạt có xác nhận của UBND xã, đã nộp tiền án phí HSST, bị cáo có thời gian dài tham gia chiến đấu ở chiến trường Campuchia từ năm 1976 đến năm 1983, được thưởng bằng khen, giấy khen, sau khi xuất ngũ về địa phương, bị cáo cũng đã tham gia công tác ở xã nhiều năm vì vậy, có căn cứ áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với cộng đồng và xã hội.

Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị cáo sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định như sau:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 284; điểm p,s khoản 1, khoản 2 Điều 46, 47 Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân K 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Giả mạo trong công tác”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Xác nhận bị cáo đã nộp 200.000 đồng án phí HS-ST được thể hiện tại Biên lai thu tiền số AA/2019/0002864 ngày 18/5/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- CA tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Bị cáo TN (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, HCTP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Trọng